

Bản án số: 752/2025/DS-PT
Ngày 25/12/2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Võ Bảo Anh

Ông Nguyễn Vĩnh Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Phương Nhã là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 447/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2025/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 918/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 697/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Quỳnh T, sinh năm 1963.

CCCD số 019163000107 cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ: số D T, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Ái Q, sinh năm 2002.

Địa chỉ liên hệ: 34 T, phường T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964.

CCCD số 092064006751 cấp ngày 02/8/2024.

Địa chỉ cũ: 567, khu vực T, Phường P, Quận C, TP Cần Thơ (nay là phường H, TP Cần Thơ).

Địa chỉ thường trú hiện nay: K, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường H, thành phố Cần Thơ).

- Người kháng cáo: Bà Bùi Thị Quỳnh T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn là bà Bùi Thị Quỳnh T trình bày và yêu cầu:*

Năm 2001, nguyên đơn có cho ông Nguyễn Văn L vay 10 cây vàng loại 9999 và bị đơn có nhờ nguyên đơn bán ra đưa tiền mặt. Thời điểm năm 2001, bà T bán 10 cây vàng loại 9999 được 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và đã giao hết cho ông L. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng dựa trên số tiền bán vàng trên, tuy nhiên bị đơn vẫn chưa trả lần nào. Vào ngày 09/4/2013 nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lại số vàng trên nhưng bị đơn không trả mà nói là mượn dùm cho ông S, nếu ông S không trả thì ông L sẽ đứng ra trả. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn làm biên nhận nợ thì bị đơn có ký Giấy nhận nợ cùng ngày. Theo đó thì bị đơn thừa nhận và đồng ý trả số nợ đã vay. Đến nay phía bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng không có kết quả. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 10 cây vàng loại 9999, không yêu cầu tính lãi đối với số nợ trên (BL 02, 08).

** Bị đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Bị đơn không thừa nhận có vay khoản nợ như nguyên đơn trình bày. Bị đơn cho rằng có giới thiệu ông Châu Văn S cầm cho nguyên đơn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay số tiền 50.000.000 đồng vào năm 2005. Bị đơn thừa nhận có ký bảo lãnh và có hứa nếu ông S không trả nợ, nguyên đơn đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn thì bị đơn sẽ trả tiền thay cho ông S. Nay ông S đã trả nợ cho bà T và chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà T vẫn đòi nợ bị đơn. Nên bị đơn không đồng ý trả nợ theo yêu cầu nguyên đơn.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 66/2025/DSST ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của bà Bùi Thị Quỳnh T. Buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Quỳnh T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Bùi Thị Quỳnh T và bị đơn Nguyễn Văn L là đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 08/9/2025, nguyên đơn Bùi Thị Quỳnh T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn

10 lượng vàng loại 9999, trường hợp trả tiền thì buộc ông L phải trả lãi kép đối với số tiền đã vay theo quy định pháp luật là 20%/ năm và lãi suất quá hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo. Các bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng, bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án nhân dân khu vực 3 đã thụ lý là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, chỉ nguyên đơn là bà Bùi Thị Quỳnh T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn trả nợ bằng 10 cây vàng loại 9999. Bị đơn không kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét thấy, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Giấy nhận nợ ngày 09/4/2013 là chứng cứ duy nhất ghi nhận nghĩa vụ vay giữa các bên. Nội dung giấy nhận nợ thể hiện rằng “ông L nhận của bà T số tiền 50.000.000 đồng, trị giá 10 cây vàng (thời điểm năm 2001)”. Như vậy, căn cứ theo nội dung văn bản này, tài sản mà bên vay nhận thực tế là tiền, còn việc quy đổi ra vàng chỉ nhằm xác định giá trị tương đương tại thời điểm vay, không thể hiện thỏa thuận buộc hoàn trả bằng vàng.

[4] Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn, bên vay phải hoàn trả tài sản cùng loại theo đúng thỏa thuận. Trong vụ án này, các bên không có thỏa thuận hoàn trả bằng vàng. Do đó nghĩa vụ trả nợ của bị đơn được xác định là hoàn trả số tiền đã nhận, phù hợp với bản chất của giao dịch.

[5] Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn, nếu tài sản vay là tiền. Chỉ trong trường hợp tài sản vay là vật, thì mới phát sinh nghĩa vụ hoàn trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng. Trong vụ án này, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh rằng bị đơn đã nhận vàng tại thời điểm vay, trong khi giấy nhận nợ và lời khai của các bên đều xác nhận tài sản giao nhận là tiền. Do đó,

việc nguyên đơn kháng cáo yêu cầu buộc bị đơn trả nợ bằng vàng là không phù hợp với bản chất nghĩa vụ trả nợ được xác lập, không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Nguyên đơn cho rằng Tòa sơ thẩm không triệu tập và xác định tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với ông Châu Văn S và bà Châu Thị H là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Thấy rằng, trong biên nhận, ông L có ghi là vay dùm ông S. Lẽ ra, Tòa án sơ thẩm cần triệu tập ông S để làm rõ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, khi được hỏi, ông L không biết địa chỉ cụ thể của ông S mà chỉ biết ông S đã định cư ở nước ngoài. Hội đồng xét xử nhận thấy, về bản chất của vụ việc, ông L hoàn trả tiền vay cho bà T là đã đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn. Việc tranh chấp quyền lợi giữa người bảo lãnh và người được bảo lãnh (nếu có) sẽ được giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu. Việc Tòa án sơ thẩm đã buộc bị đơn hoàn trả số tiền 50 triệu đồng là đúng bản chất vụ án nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm như đề nghị của nguyên đơn.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2025/DS-ST ngày 03/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ đã giải quyết vụ án đúng pháp luật, đúng bản chất quan hệ vay tài sản. Việc nguyên đơn kháng cáo yêu cầu buộc bị đơn trả nợ bằng vàng là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm, nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Quỳnh T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2/ Nguyên đơn và bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND khu vực 3 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Chế Linh